CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Dịch vụ Bến Thành

Ngày 31/03/2025	14,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q1/25
2.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.18| -5.9%
YoY: ▲ 0.26| 10.4%

LN thuần
Q1/25
0.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.10| 15.8%
YoY: ▲ 0.04| 6.2%

LN sau thuế
Q1/25
0.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.09| 17.2%
YoY: ▲ 0.04| 6.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
27.3%
YoY: +/-▲ 5.3%

ROE (TTM)
Q1/25
5.7%
YoY: +/-▲ 0.3%

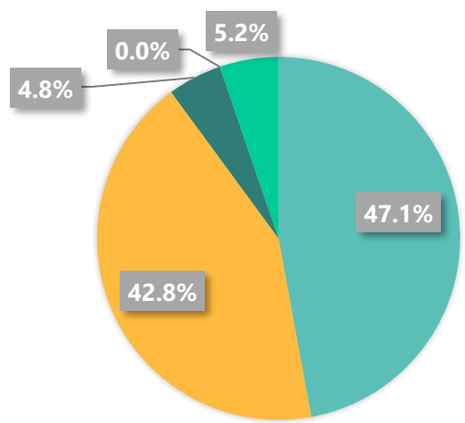
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,000 - 14,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	46
Số lượng CPLH (CP)	3,150,747
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	
EPS	698
P/E	20.9

DT thuần
2024
11.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.49| 44.7%

LN thuần
2024
2.77
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.63| -18.4%

LN sau thuế
2024
2.16
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.51| -18.9%

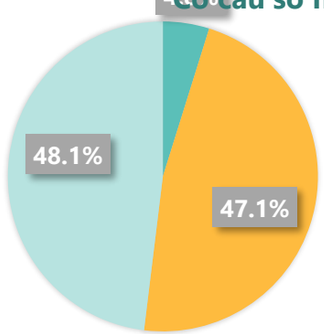
Cơ cấu cổ đông



- Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
- Bùi Minh Tuấn
- Hoàng Phong Giao
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

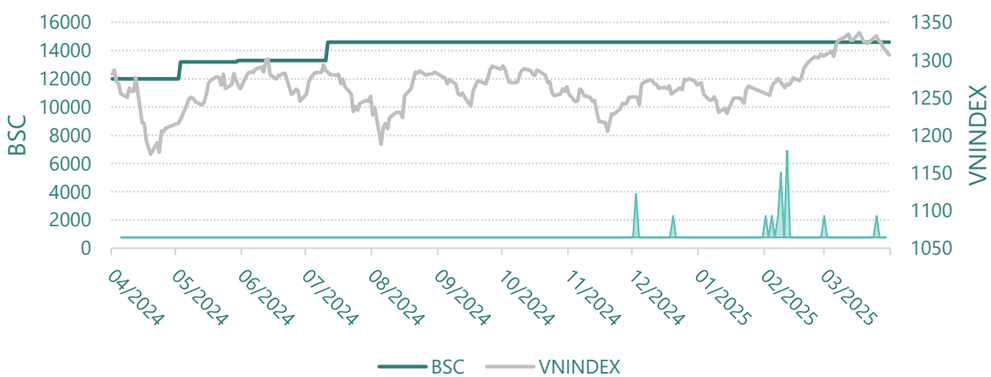
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

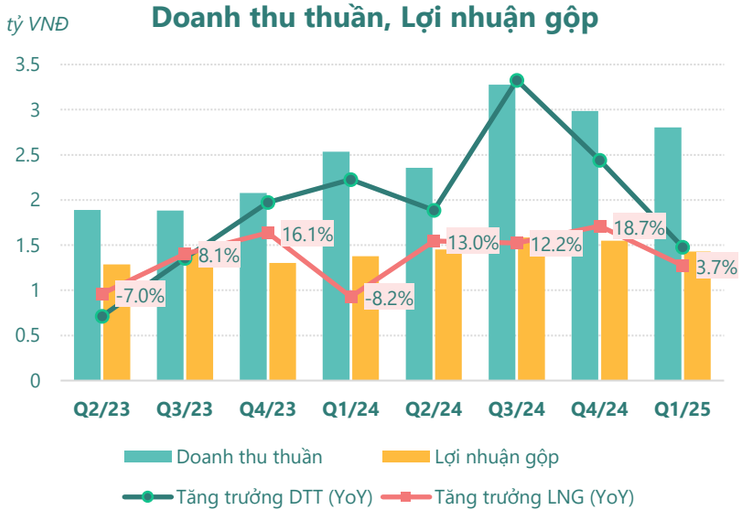
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



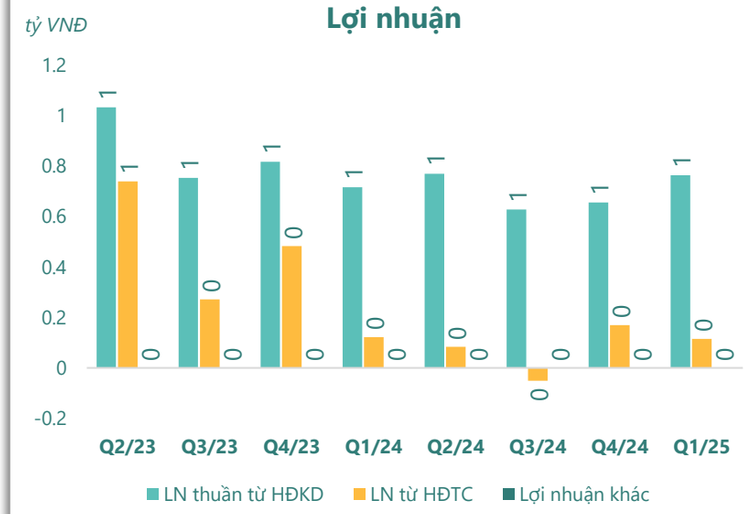
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



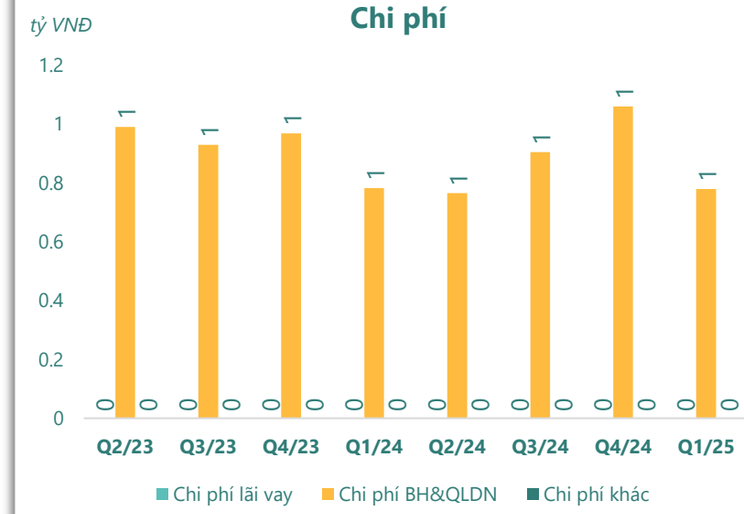
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



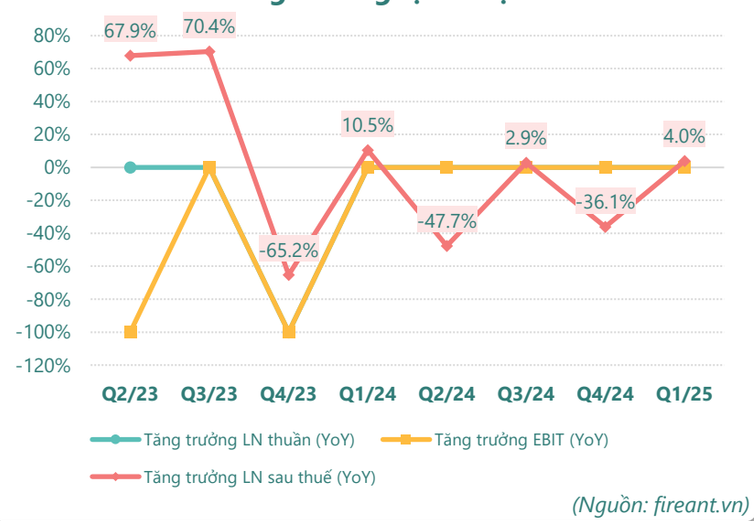
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



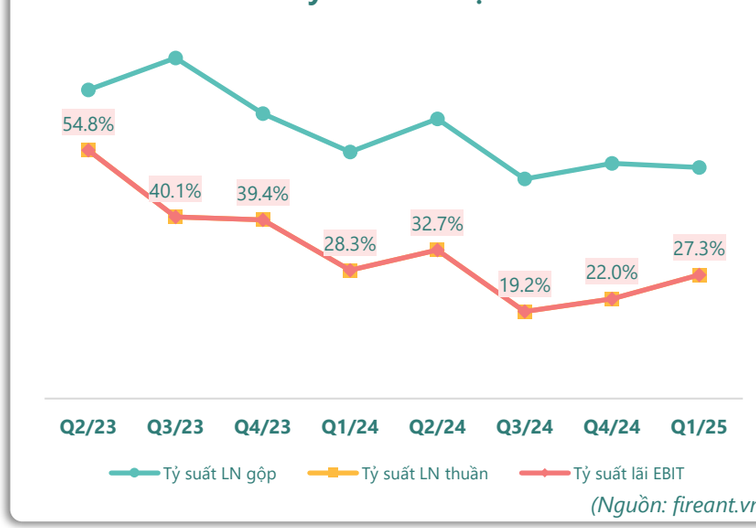
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



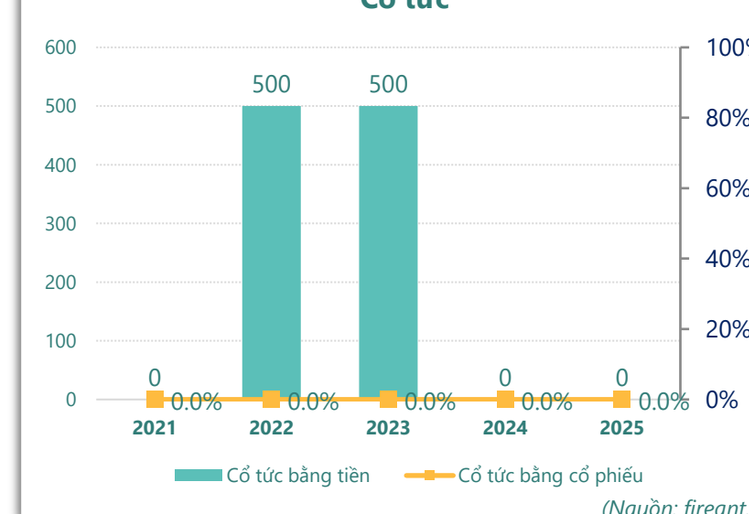
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

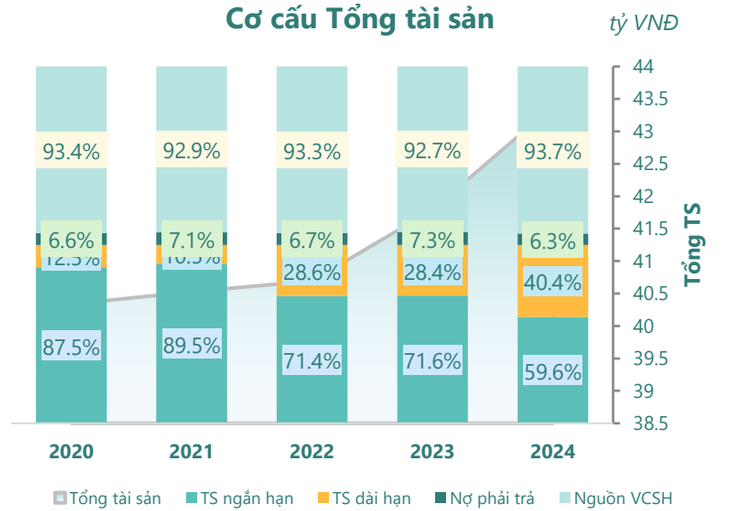
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

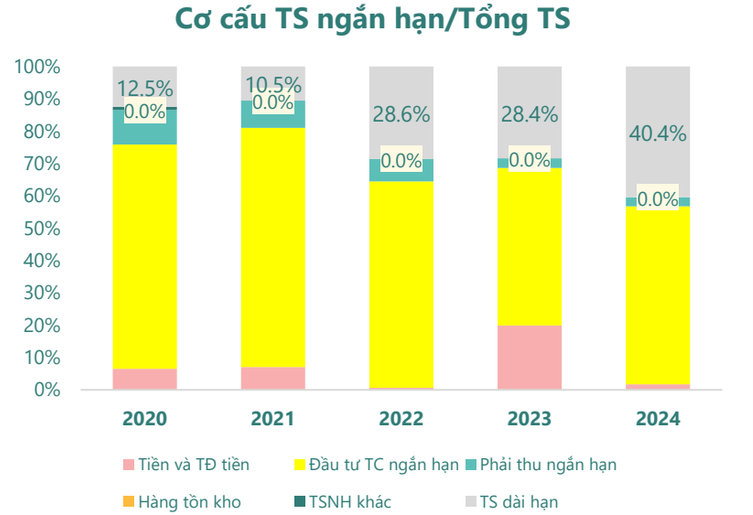
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



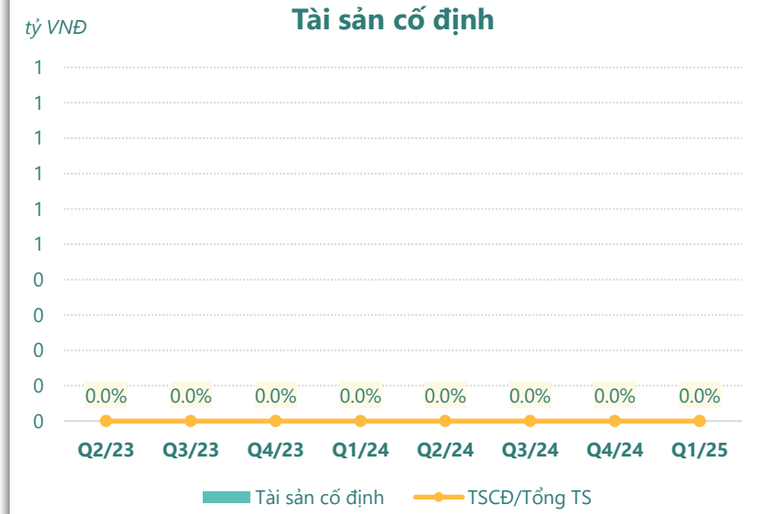
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



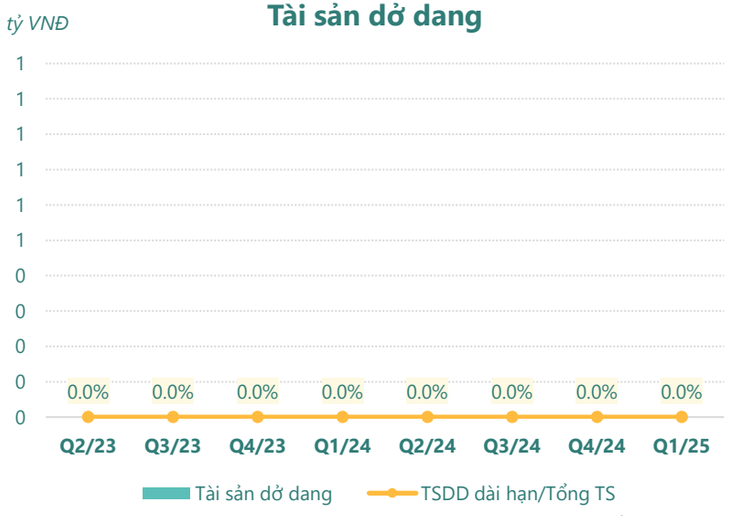
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



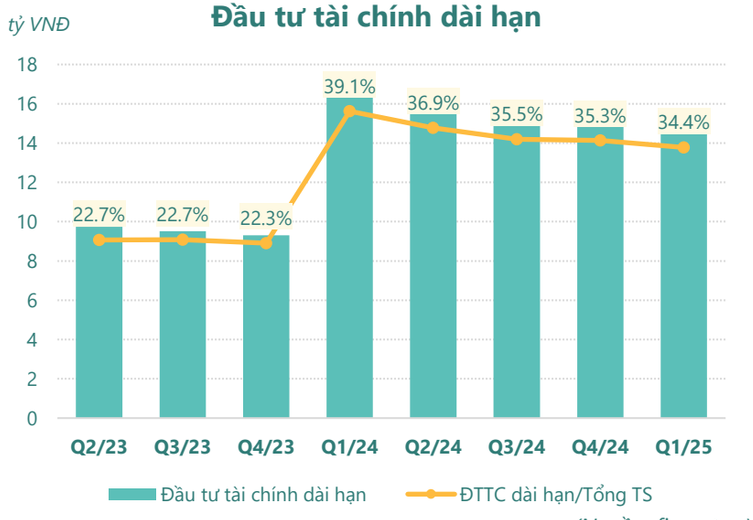
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



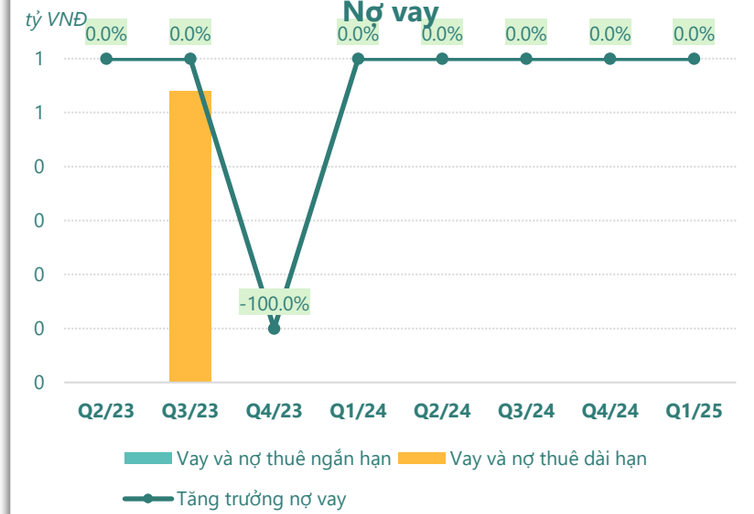
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

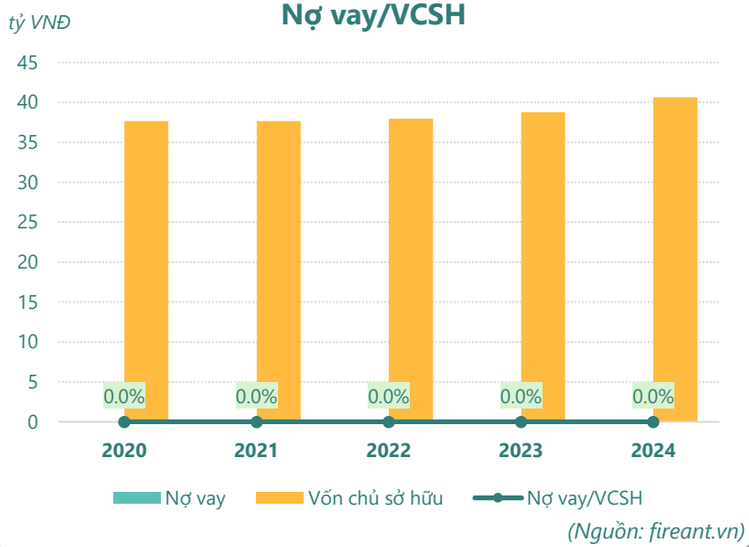
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

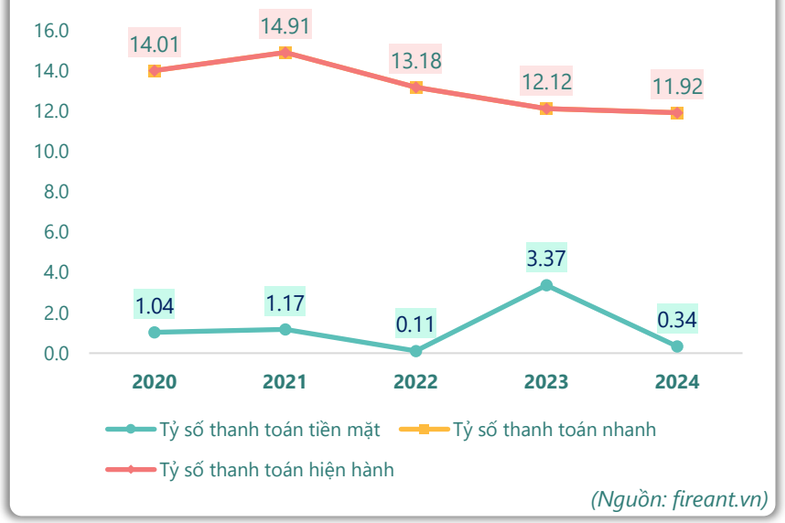
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



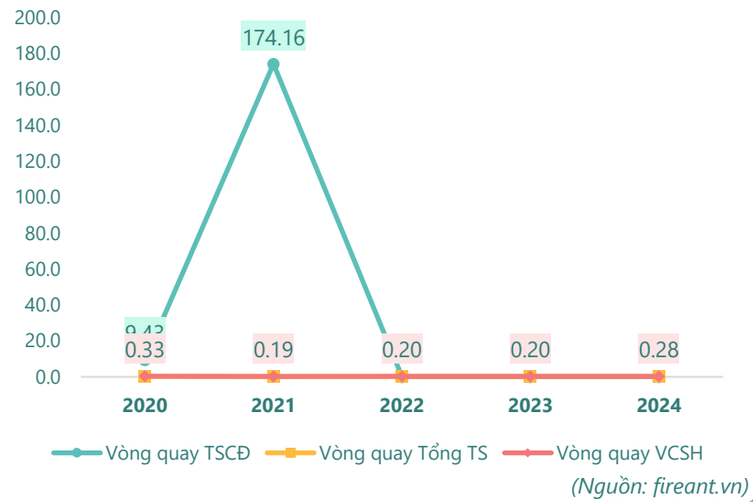
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



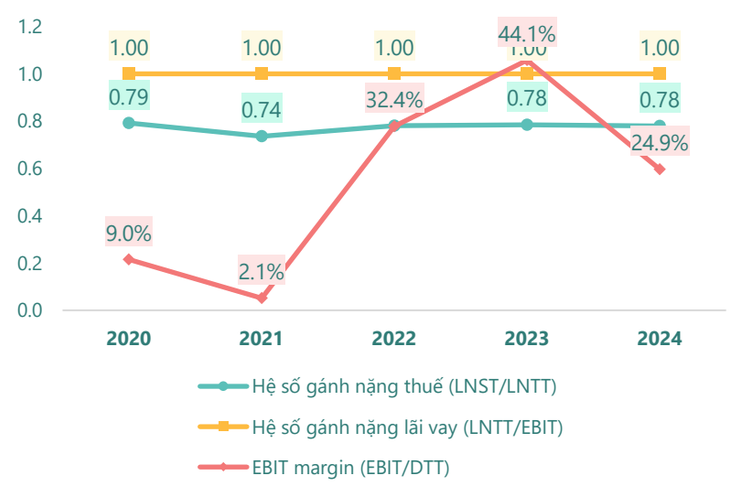
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



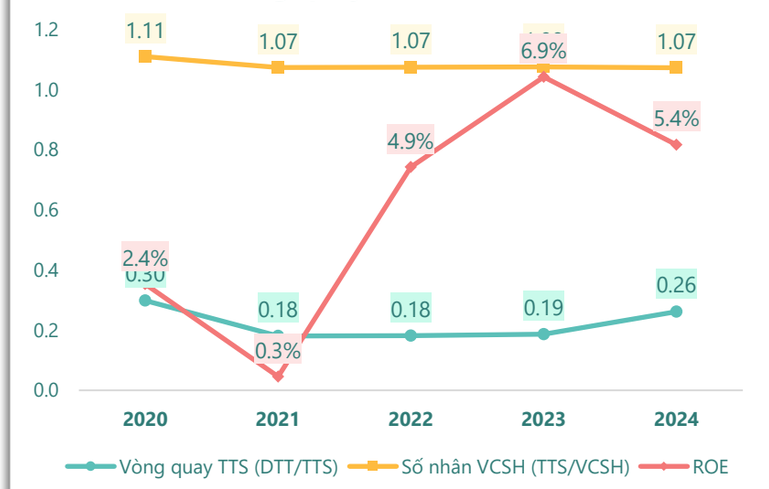
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



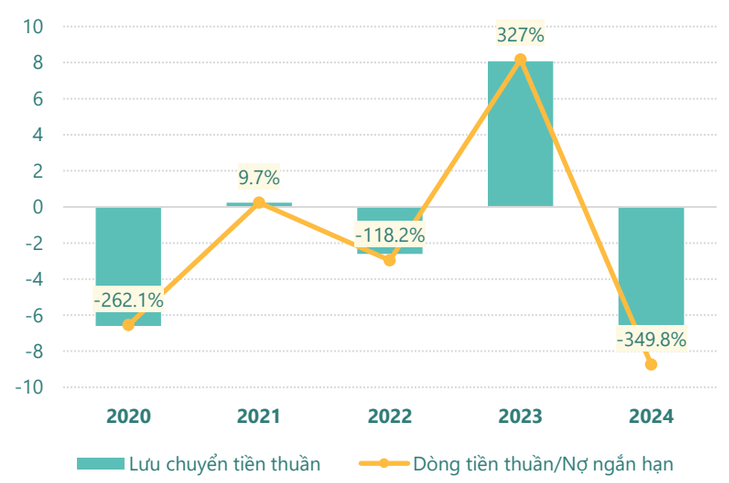
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2.80**	**2.54**	**10.4%**	**11.2**	**7.71**	**44.7%**
Giá vốn hàng bán	1.38	1.16	18.6%	5.19	2.20	135%
Lợi nhuận gộp	1.43	1.38	3.6%	5.96	5.50	8.4%
Doanh thu HĐTC	0.24	0.48	-50.3%	2.08	2.82	-26.3%
Chi phí TC	0.12	0.35	-64.7%	1.75	1.19	46.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.78**	**0.78**	**0.0%**	**3.52**	**3.73**	**-5.8%**
LN thuần từ HĐKD	0.76	0.72	6.2%	2.77	3.40	-18.4%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	0.76	0.72	6.2%	2.77	3.40	-18.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.60**	**0.56**	**6.8%**	**2.16**	**2.67**	**-18.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.60**	**0.56**	**6.8%**	**2.16**	**2.67**	**-18.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.38	0.98	0.93	1.38	-0.23	2.64
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.49	-1.32	-0.39	-2.50	0.55	-1.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.18	1.31	0.97	1.52	0.40	0.73
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.87**	**-0.34**	**0.55**	**-1.12**	**0.33**	**1.14**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.31	0.97	1.52	0.40	0.73	1.87

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**44.5**	**43.4**	**2.5%**
Tài sản ngắn hạn	27.1	25.8	4.9%
Tiền và tương đương tiền	1.87	0.73	157%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.9	23.9	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1.11	1.22	-8.9%
Hàng tồn kho	0.22	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**17.4**	**17.5**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	1.09	1.12	-2.3%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	15.3	15.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.97**	**1.10**	**-11.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.67	2.75	142%
Nợ ngắn hạn	**6.10**	**2.17**	**182%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.27	0.08	262%
Nợ dài hạn	0.56	0.59	-3.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**37.8**	**40.6**	**-6.9%**
Vốn chủ sở hữu	**37.8**	**40.6**	**-6.9%**
Vốn điều lệ	31.5	31.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)